

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 8 - 2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Nhân

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham
gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4
năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ 5, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Duy H, sinh năm 1983

Nơi thường trú: xóm Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện tại: tổ 12, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị T trình
bày:

Chị và anh Võ Duy H đăng ký kết hôn ngày 13/3/2009 tại UBND phường
G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị
chung sống tại tổ 5, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình
chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là
do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường

xuyên xảy ra xung khắc, bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã tìm cách khắc phục và được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 3/2015 anh H về quê tại xóm Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung đã không tồn tại từ lâu nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Duy H.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Võ Duy H có 01 con chung là Võ Thị Tú U, sinh ngày 03/02/2010. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh Võ Duy H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh Võ Duy H không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Duy H vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh H đã có bản tự khai thể hiện quan điểm:

Anh H xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị T đã trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Võ Thị Tú U, sinh ngày 03/02/2010. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh H hiện đang sống ở xa, không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T nên anh đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Duy H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/8/2024 Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ 5, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và được tổ trưởng cung cấp thông tin: sau khi kết hôn chị Lê Thị T và anh Võ Duy H có một thời gian sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị T tại tổ 5, khu 1, phường G, thành phố H. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng xảy ra cãi vã, to tiếng ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh. Đến khoảng năm 2015 thì anh H về quê sống, từ đó đến nay chị T và anh H sống ly thân.

Tòa án cũng đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu Võ Thị Tú U là con chung của chị T và anh H thì nếu bố mẹ ly hôn, cháu U có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát có quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T; chị Lê Thị T được ly hôn anh Võ Duy H.

Về con chung: Chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Võ Thị Tú U, sinh ngày 03/02/2010 đến tuổi thành niên. Anh Võ Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị Lê Thị T khởi kiện về việc ly hôn đối với bị đơn – anh Võ Duy H có nơi đăng ký thường trú tại xóm Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên chị T và anh H đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ án, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên việc Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận, thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác. Cả nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T và anh Võ Duy H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2009 tại UBND phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, do đó quan hệ hôn nhân của chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Lê Thị T thì thấy:

Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã tìm cách khắc phục và được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng

3/2025 đến nay chị T và anh H sống ly thân với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị T thừa nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H

Đối với bị đơn – anh Võ Duy H cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T và từ chối việc Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã xác minh tại tổ dân nơi chị T và anh H chung sống trước khi ly thân và tổ dân cũng đã xác nhận việc chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn cũng như thời gian anh chị sống ly thân.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn anh H của chị T là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị Lê Thị T và anh Võ Duy H có 01 con chung là Võ Thị Tú U, sinh ngày 03/02/2010. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị T thì thấy: từ khi chị T và anh H sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh H cũng đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Cháu Võ Thị Tú U có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, hơn nữa cháu lại là con gái rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự chăm sóc, phát triển của con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì yêu cầu của chị T là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung:

Chị Lê Thị T và anh Võ Duy H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung:

Chị Lê Thị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: chị Lê Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều

6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T; chị Lê Thị T được ly hôn anh Võ Duy H.

Về con chung: Chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Võ Thị Tú U, sinh ngày 03/02/2010 đến tuổi thành niên. Anh Võ Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 03/4/2024 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000630 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường G, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương